

Số: **52** /NQ-HĐND

Lào Cai, ngày **09** tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15 và Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 372/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 150/BC-BVHXXH ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Giá dịch vụ khám bệnh, hội chẩn gồm 05 dịch vụ, quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Giá dịch vụ ngày giường bệnh gồm 37 loại dịch vụ tương ứng, quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể:

a) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 1 và Bệnh viện Đa khoa số 2 gồm 9.170 dịch vụ, quy định tại Phụ lục III.1;

b) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại các Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh gồm 6.287 dịch vụ, quy định tại Phụ lục III.2;

c) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 3 và Bệnh viện Đa khoa số 4, các Bệnh viện Đa khoa khu vực và Trung tâm Y tế khu vực gồm 7.199 dịch vụ, quy định tại Phụ lục III.3;

d) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Phòng khám đa khoa khu vực gồm 2.263 dịch vụ, quy định tại Phụ lục III.4;

đ) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Trạm Y tế xã, phường gồm 858 dịch vụ, quy định tại Phụ lục III.5;

e) Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Phòng khám đa khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh gồm 391 dịch vụ, quy định tại Phụ lục III.6.

4. Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể:

a) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 1 và Bệnh viện Đa khoa số 2 gồm 759 dịch vụ, quy định tại Phụ lục IV.1;

b) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại các Bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh gồm 490 dịch vụ, quy định tại Phụ lục IV.2;

c) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 3 và Bệnh viện Đa khoa số 4, các Bệnh viện Đa khoa khu vực và Trung tâm Y tế khu vực gồm 742 dịch vụ, quy định tại Phụ lục IV.3;

d) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại Phòng khám đa khoa khu vực gồm 41 dịch vụ, quy định tại Phụ lục IV.4;

đ) Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại các Trạm y tế xã, phường gồm 02 dịch vụ, quy định tại Phụ lục IV.5;

e) Chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này thanh toán theo thực tế sử dụng và giá mua sắm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

5. Mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Nghị quyết này bao gồm chi phí trực tiếp; tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định. Trong đó, chi phí tiền lương theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, chưa bao gồm quỹ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

6. Việc hướng dẫn thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với người bệnh đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực, nếu ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của cấp có thẩm quyền trước thời điểm thực hiện mức giá theo quy định tại Nghị quyết này cho đến khi ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh mục dịch vụ, mức giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai và Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái quản lý hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Y tế, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXH. ✓

CHỦ TỊCH



Trịnh Việt Hùng